

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Chương trình điều tra, kiểm kê, quan trắc
đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2030****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 30/2024/QH15 ngày 29/6/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 8/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Chương trình điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2030” với kế hoạch cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa và tổ chức hiệu quả Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 8/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050"; bám sát mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ trọng tâm của Đề án để xây dựng chương trình và kế hoạch triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2026 - 2030, phân công trách nhiệm cụ thể, tiến độ thực hiện để các cơ quan, đơn vị triển khai; đánh giá được cụ thể các chỉ tiêu đa dạng sinh học và công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tại các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xác định cụ thể sự tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học phải đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu, nội dung, phương pháp theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các pháp luật khác có liên quan.

- Triển khai thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và phân công rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các công nghệ tiên tiến trong quá trình thực hiện điều tra, kiểm kê, quan trắc và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

Thực hiện tại các khu bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên

a) Điều tra, kiểm kê, quan trắc hệ sinh thái tự nhiên, gồm các chỉ tiêu về diện tích, chất lượng đối với:

- Hệ sinh thái rừng;
- Hệ sinh thái đất ngập nước;
- Hệ sinh thái rạn san hô;
- Hệ sinh thái thảm cỏ biển.

b) Điều tra, kiểm kê, quan trắc các loài sinh vật trong khu bảo tồn thiên nhiên, gồm:

- Điều tra, kiểm kê, quan trắc các chỉ tiêu về số lượng cá thể, số lượng quần thể, thành phần loài, tần suất xuất hiện của các loài động vật, động vật đặc hữu, động vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, động vật bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn hiệu quả;

- Điều tra, kiểm kê, quan trắc các chỉ tiêu về diện tích, thành phần và xu thế biến động các loài thực vật, thực vật đặc hữu, thực vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, thực vật bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn hiệu quả.

2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên

- Cơ sở dữ liệu dạng số được xây dựng đồng bộ, thống nhất bao gồm các chỉ tiêu về diện tích, chất lượng hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái thảm cỏ biển và các chỉ tiêu về số lượng, thành phần loài động vật, thực vật trong các hệ sinh thái.

- Cơ sở dữ liệu bản đồ được biên tập trên nền hệ tọa độ VN2000 về diện tích các hệ sinh thái, phân bố thành phần loài động vật, thực vật và các vị trí xuất hiện của các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài bị đe dọa có trong Sách đỏ Việt Nam.

3. Nâng cao năng lực điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học

- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên trong nghiên cứu khoa học, chuyên môn về điều tra đa dạng sinh học, phân loại học các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm, các loài trong Sách đỏ Việt Nam; nâng cao năng lực về thu thập thông tin, khai thác và vận hành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, chuyên viên các cơ quan, đơn vị trong thực thi pháp luật về đa dạng sinh học và các pháp luật có liên quan; tổ chức triển khai điều tra đa dạng sinh học; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học.

(Kế hoạch triển khai Chương trình chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. NGUỒN KINH PHÍ

1. Ngân sách nhà nước, gồm: ngân sách trung ương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; ngân sách địa phương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

- Là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai Chương trình; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Bộ trưởng theo quy định và đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình khi cần thiết.

- Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học, cập nhật, quản lý, chia sẻ dữ liệu đa dạng sinh học.

- Tổng hợp kết quả, điều tra, đánh giá và định kỳ báo cáo, đề xuất danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia; quản lý thống nhất số liệu điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học trên phạm vi cả nước; tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu đa dạng sinh học do các cơ quan, đơn vị cung cấp theo quy định.

b) Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

- Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, kiểm kê, quan trắc hệ sinh thái và loài sinh vật theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao quản lý.

- Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học thuộc lĩnh vực quản lý và đảm bảo tích hợp với cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia theo quy định.

- Phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học tổ chức triển khai Chương trình; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp nhu cầu, cân đối và trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan tại địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tính kế thừa và phù hợp yêu cầu của chương trình.

- Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học tại địa phương, tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Chương trình.

3. Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại khu bảo tồn thiên nhiên, đảm bảo đầy đủ, chính xác. Chú trọng việc áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động điều tra, quan trắc đa dạng sinh học. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ hiệu quả các hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm tại các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của các khu bảo tồn phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động đào tạo và tuyên truyền phổ biến các giá trị của bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.

- Định kỳ báo cáo cấp có thẩm quyền về công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ, cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, BTTN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Trị

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật				
1.1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Vụ Pháp chế, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Năm 2026	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học
1.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, kiểm kê, quan trắc hệ sinh thái, loài sinh vật thuộc các lĩnh vực quản lý chuyên ngành (lồng ghép trong các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành)	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Năm 2027 đến năm 2028	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật các lĩnh vực chuyên ngành có lồng ghép định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, kiểm kê, quan trắc hệ sinh thái, loài sinh vật thuộc các lĩnh vực quản lý chuyên ngành
2	Điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học				
2.1	Điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Năm 2027 đến năm 2030	Báo cáo, bộ số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên; tích hợp vào cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả dự kiến
2.2	Điều tra, đánh giá các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên phạm vi toàn quốc	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	Hàng năm	Kết quả điều tra, đánh giá các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trên phạm vi toàn quốc
3	Xây dựng, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia				
3.1	Xây dựng, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	Hàng năm	Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia được xây dựng, quản lý, vận hành tuân thủ các quy định
4	Nâng cao năng lực điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học				
4.1	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về hoạt động điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học; quản lý, chia sẻ, cập nhật cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện sinh học, Trường Đại học lâm nghiệp	Năm 2026 đến năm 2027	Sổ tay/ tài liệu hướng dẫn về hoạt động điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học; quản lý, chia sẻ, cập nhật cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả dự kiến
4.2	Nâng cao năng lực cho cán bộ các cơ quan, đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương, Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên về kỹ thuật điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học; lập báo cáo đa dạng sinh học; cập nhật, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	Hàng năm	Các hội thảo tập huấn, nâng cao năng lực về điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học; lập báo cáo đa dạng sinh học; cập nhật, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.
5	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình				
5.1	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình điều tra, kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học đến năm 2030	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	Năm 2030	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình